

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 418/202/HS-PT

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 139/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn An Phú C do bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn An Phú C, sinh ngày 28/7/1980, tại Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp); Nơi ở hiện tại: Huỳnh Công S, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn An T, sinh năm 1950 và bà Trần Thị Hoa H, sinh năm 1950; Anh, chị, em ruột có 04 người; có vợ: Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1985; Có 01 con, sinh năm 2020; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam từ ngày 11/6/2024 đến ngày 13/6/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, bị cáo vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo (theo chỉ định): Luật sư Hồ Quang Tân P – Văn phòng

L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

(Ngoài ra còn có 08 người bị hại không có kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, Nguyễn An Phú C đưa thông tin gian dối rằng C biết được quy hoạch bán nền giá rẻ tại bãi đất trống (thửa đất số 158, tờ bản đồ số 46, diện tích 4.412m²) của Công ty Cổ phần Đ1 tọa lạc khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và C sử dụng điện thoại quay video clip bãi đất trống này gửi cho các bị hại, giới thiệu giá bán nền (ngang 05m, dài 18m; ngang 05m dài 20m) với giá là 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng/01 nền và chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giá rẻ từ 7.890.000 đồng đến 8.560.000 đồng, thời gian có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 30 đến 60 ngày. Các bị hại tin tưởng thông tin của C là sự thật nên không xuống thực địa xem nền, chỉ xem qua hình ảnh Zalo Cường gửi để mua 18 nền không có thật và C đã chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền là 2.283.570.000 đồng. Cụ thể:

1. Bị hại Phan N, sinh năm 1989 (nơi cư trú: Số C, đường B, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng): Tháng 12/2022, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất cho bị hại N rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, ông N tin tưởng là thật nên nhờ C đăng ký mua 01 nền với giá 120.000.000 đồng, bao gồm phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông N sử dụng tài khoản Ngân hàng S1 số 040003968555 tên Phan N chuyển số tiền 108.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C. Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

2. Bị hại Trần Đình T1 (sinh năm 1989, nơi cư trú: Số C KV2, đường P, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh): Tháng 01/2023, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất cho bị hại T1 rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, ông Thông tin T2 nên nhờ C đăng ký mua 05 nền với giá 120.000.000 đồng và phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 nền là 7.136.000 đồng. Ông T1 đã sử dụng 02 số tài khoản gồm: số 19031692920019 thuộc Ngân hàng T4 và số 1690791093 thuộc Ngân hàng B cùng tên chủ tài khoản là Trần Đình T1 chuyển số tiền 635.680.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C (gồm tiền mua 05 nền giá 120.000.000 đồng/nền = 600.000.000 đồng + phí làm giấy chứng nhận 7.136.000 đồng x 05 giấy = 35.680.000 đồng. Tổng cộng là 635.680.000 đồng). Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt tiêu xài hết.

3. Bị hại Thái Minh Q (sinh năm 1960, nơi cư trú: Số A KV1, phường A, quận N, TP.): Tháng 01/2023, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất cho ông Q rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên. Ông Q tin tưởng là thật nên nhờ C đăng ký mua 01 nền với giá 120.000.000 đồng bao gồm phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị hại Q đã đến Ngân hàng A chuyển số tiền 120.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C. Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt tiêu xài hết.

4. Bị hại Dương Thị Mai K (sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long): Tháng 01/2023, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất cho bà K rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, bà K tin tưởng là thật nên nhờ C đăng ký mua 01 nền với giá 120.000.000 đồng bao gồm phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà K sử dụng tài khoản Ngân hàng V số 0071001009420 tên Huỳnh Đức H1 (sinh năm 1990, nơi cư trú: Số H, đường N, Phường B, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh là anh rể của bà K, ông H1 được bà K nhờ chuyển khoản giúp số tiền 60 triệu đồng) chuyển số tiền 60.000.000 đồng đặt cọc đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C. Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt tiêu xài hết.

5. Bị hại Ngô Hồng Q1 (sinh năm 1981, nơi cư trú: Số H, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An): Tháng 02/2023, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất cho bị hại Q1 rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, ông Q1 tin tưởng là thật nên nhờ C đăng ký mua 02 nền với giá 01 nền là 130.000.000 đồng và phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 nền là 8.000.000 đồng. Ông Q1 đã sử dụng tài khoản Ngân hàng A1 số 6614205068955 tên Ngô Hồng Q1 chuyển số tiền 276.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C. Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt tiêu xài hết.

6. Bị hại Nguyễn Thị Kim H2 (sinh năm 1958, nơi cư trú: Số C, đường N, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh): Khoảng tháng 3/2023, C sử dụng tài khoản zalo tên Nguyễn An Phú C gửi đoạn video clip và ảnh chụp khu đất trống thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 46, diện tích 4.412m² tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp gửi đến tài khoản zalo tên Nguyễn Thị Kim H2 và giới thiệu thông tin gian dối như nêu trên, bà H2 tin tưởng là thật nên đã thỏa thuận nhờ C đăng ký mua 05 nền với giá 01 nền là 126.000.000 đồng và phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 nền là 8.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, bà H2 đã 04 lần đến Ngân hàng Á1 (A2) chi nhánh C2, thành phố Hồ Chí Minh chuyển số tiền 670.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C (gồm tiền mua 05 nền, giá 126.000.000 đồng/nền = 630.000.000 đồng + 40.000.000 đồng chi phí làm 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng cộng là 670.000.000 đồng). Sau khi nhận được tiền, C tiêu xài hết.

7. Bị hại Võ Văn T3 (sinh năm 1988, nơi cư trú: Số I, đường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh): Tháng 3/2023, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất cho ông T3 rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, ông Thới tưởng C có nền bán thật, nên nhờ C đăng ký mua 01 nền với giá 130.000.000 đồng và phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.890.000 đồng. Bị hại T3 đã sử dụng tài khoản Ngân hàng Á châu (A2) số 824724788 tên Võ Văn T3 chuyển số tiền 137.890.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C. Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt tiêu xài hết.

8. Bị hại Nguyễn Hồng P1 (sinh năm 1986, nơi cư trú: Số H, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh): Tháng 6/2023, C gửi đoạn video clip và ảnh chụp thửa đất qua zalo cho bị hại P1 rồi thực hiện thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, bị hại P1 tưởng thật nên nhờ C đăng ký mua 02 nền với giá 01 nền là 130.000.000 đồng và phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 nền là 8.000.000 đồng. Bị hại P1 đã sử dụng tài khoản Ngân hàng A số 7109205116792 tên Nguyễn Hồng P1 chuyển số tiền 276.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6506275001460 tên Nguyễn An Phú C. Sau khi nhận được tiền, C chiếm đoạt tiêu xài hết.

Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, C không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao nên C nói dối đang nhập viện điều trị bệnh; Văn phòng T5 có nhiều hồ sơ không đăng ký kịp nên chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm để kéo dài thời gian. Đến khi các bị hại thúc giục C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, C không có giấy để giao nên C thừa nhận đã gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại, chứ nhà nước không có quy hoạch phân lô bán nền và không có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như C đã hứa. Vì vậy các bị hại tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của C đến Cơ quan Công an.

Hiện trường vụ án: Tại khu vực đất trống thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Đ1 thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 46, diện tích 4.412m² tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; xung quanh khu vực đất được dùng chắn bằng khung kim loại (tôn), có lối đi rộng 3,6m.

Công văn số 158/BQLDA ngày 19/3/2024 của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T cung cấp thông tin: Đối với khu đất (nơi tổ chức Lễ 40 năm thành lập huyện T) thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 46, diện tích 4.412m², đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thửa đất này UBND tỉnh Đ đã giao cho Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) thuê để thực hiện Dự án Khu Nhà hàng - Khách sạn T6, mục đích sử dụng là đất Thương mại, dịch vụ; thời gian cho thuê là 50 năm kể từ ngày 19/6/2020 (tại Quyết định số 117/QĐ-UBND.NĐ ngày 19/6/2020) và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ đã ký hợp đồng thuê đất ngày 26/11/2020 (tại Hợp đồng thuê đất số 70/HĐ/ĐĐ ngày 26/11/2020), đồng thời thửa đất đã được UBND tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Đ1 ngày 15/4/2021, sổ vào sổ cấp

GCN: CT08605, số bìa CY777862. Khu đất nêu trên thuộc quy hoạch dự án Khu N, không phải phân lô bán nền.

Thu giữ đồ vật, tài liệu: Bị hại Nguyễn Thị Kim H2 giao nộp: 01 (một) quyển Vi Bằng số 01/2024/VB-TPLQ11, ngày 26/12/2023 - 02/01/2024, gồm 133 trang tài liệu của Văn phòng T7, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 (một) bản pho to biên nhận (biên nhận nợ) người viết Nguyễn An Phú C ghi ngày 05/4/2023; 03 pho to giấy ủy nhiệm chi của Ngân hàng A2 và 01 (một) pho to giấy nộp tiền của ngân hàng A2; Bị hại Võ Văn T3 giao nộp: 01 (một) quyển Vi Bằng số 80/2023/VB-TPLQ11, ngày 25 - 28/12/2023 gồm 57 trang tài liệu của Văn phòng T7, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 (một) đoạn clip ghi cảnh Nguyễn An Phú C giới thiệu khu đất thuộc Trung tâm thương mại tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang phân lô bán nền có thời lượng 43 giây, dung lượng 7,64MB; 01 (một) bản pho to biên nhận (biên nhận nợ) người viết Nguyễn An Phú C ghi ngày 23/03/2023; Bị hại Nguyễn Hồng P1 giao nộp: 01 (một) đoạn clip ghi cảnh Nguyễn An Phú C giới thiệu khu đất thuộc Trung tâm thương mại tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang phân lô bán nền có thời lượng 43 giây, dung lượng 7,64MB; 01 (một) sao kê tài khoản Ngân hàng A3 số 7109205116792 tên khách hàng Nguyễn Hồng P1 gồm 03 trang; Bị hại Trần Đình T1 giao nộp: 01 (một) quyển Vi Bằng số 2272/2024/VB-TPLQ8, ngày 27/11/2024 gồm 37 trang tài liệu của Văn phòng T8, Thành phố Hồ Chí Minh; 04 (bốn) tờ giấy báo nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2, khách hàng tên Trần Đình T1; 02 (hai) tờ giấy liệt kê giao dịch tài khoản số 19031692920019; 59 (năm mươi chín) tờ giấy A4 pho to ghi nội dung, hình ảnh liên quan đến việc Nguyễn An Phú C trao đổi bán đất nền cho Trần Đình T1; Bị hại Ngô Hồng Q1 giao nộp: 01 (một) sao kê tài khoản Ngân hàng A3 số 6614205068955 tên khách hàng Ngô Hồng Q1 gồm 05 trang; 14 (mười bốn) tờ giấy pho to ghi nội dung, hình ảnh liên quan đến việc Nguyễn An Phú C trao đổi bán đất nền cho Ngô Hồng Q1; Bị hại Thái Minh Q giao nộp: 01 (một) giấy pho to nộp tiền của Ngân hàng A3 khách hàng nộp tiền Thái Minh Q, khách hàng nhận tiền Nguyễn An Phú C ngày 05/01/2023; 08 (tám) tờ giấy pho to ghi nội dung, hình ảnh liên quan đến việc Nguyễn An Phú C trao đổi bán đất nền cho Thái Minh Q; Bị hại Dương Thị Mai K giao nộp: 12 (mười hai) tờ giấy pho to ghi nội dung, hình ảnh liên quan đến việc Nguyễn An Phú C trao đổi bán đất nền cho Dương Thị Mai K; 01 (một) giấy ủy quyền, bên ủy quyền Dương Thị Mai K, bên được ủy quyền Thái Minh Q ngày ủy quyền 26/11/2024; Bị hại Phan N giao nộp: 07 (bảy) trang giấy A4 pho to ghi nội dung tin nhắn và chuyển tiền giữa Phan N với Nguyễn An Phú C. Kết quả trích xuất dữ liệu điện thoại của các bị hại thể hiện rõ tin nhắn, hình ảnh giao dịch mua bán nền giữa các bị hại và C phù hợp nội dung vụ án nêu trên.

Tại Kết luận giám định dữ liệu điện tử số: 1814/KL-KTHS, ngày 31/12/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ về 02 đoạn clip do bị hại Võ Văn T3 và bị hại Nguyễn Hồng P1 giao nộp. Kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình

ảnh đối với 02 tệp tin video. Đã trích xuất hình ảnh liên quan đến vụ án ra bản ảnh. Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, phù hợp tài khoản ngân hàng do Nguyễn An Phú C nhận chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng do các bị hại chuyển đến.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu C trả lại số tiền đã chiếm đoạt gồm: Bị hại Phan N số tiền 108.000.000 đồng, bị hại Trần Đình T1 635.680.000 đồng, bị hại Thái Minh Q 120.000.000 đồng, bị hại Dương Thị Mai K 60.000.000 đồng, bị hại Ngô Hồng Q1 276.000.000 đồng, bị hại Võ Văn T3 137.890.000 đồng, bị hại Nguyễn Hồng P1 276.000.000 đồng. Nguyễn An Phú C đồng ý. Sau đó bị cáo đã trả cho bị hại Thới 10 triệu đồng, bị hại P1 10 triệu đồng. Riêng bị hại Nguyễn Thị Kim H2 rút đơn yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu C trả lại tiền chiếm đoạt 670.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKSĐT-P2 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn An Phú Cường về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn An Phú C 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 11/6/2024 đến ngày 13/6/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2025, bị cáo Nguyễn An Phú C kháng cáo Bản án sơ thẩm với lý do bị hại Nguyễn Thị Kim H2 đã rút đơn từ Công an huyện T nhưng bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng là không đúng. Bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn An Phú C kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa do bị cáo bị bệnh tiêu đường đang điều trị.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn An Phú C đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo kháng cáo và xin hoãn phiên tòa là không có căn cứ. Do đó, đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên Bản án sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật hình sự, bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn An Phú C là rất rõ ràng. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Nên khẩn cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn An Phú C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn An Phú C đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn An Phú C vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa do bị bệnh tiểu đường đang điều trị, nhưng bị cáo cũng không cung cấp giấy tờ có liên quan về việc bị cáo đang nằm viện để điều trị bệnh.

Xét thấy, việc bị cáo Nguyễn An Phú C vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn An Phú C tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết quả giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, để có tiền tiêu xài Nguyễn An Phú C đưa ra thông tin gian dối cho rằng C biết được quy hoạch bán nền giá rẻ tại bãi đất trống (thửa đất số 158, tờ bản đồ số 46, diện tích 4.412m²) của Công ty Cổ phần Đ1 tọa lạc khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. C sử dụng điện thoại quay video

clip bãi đất trống này gửi cho các bị hại, giới thiệu giá bán nền (ngang 05m, dài 18m hoặc ngang 05m dài 20m) và C tự cho giá là 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng/01 nền và chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá từ 7.890.000 đồng đến 8.560.000 đồng và thời gian có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 30 đến 60 ngày. Các bị hại Phan N, Trần Đình T1, Thái Minh Q, Dương Thị Mai K, Ngô Hồng Q1, Võ Văn T3, Nguyễn Hồng P1, Nguyễn Thị Kim H2 do tin tưởng thông tin của C đưa ra là sự thật nên không xuống thực địa xem nền, chỉ xem nền qua hình ảnh Zalo Cường gửi và đã chuyển tiền cho C để mua 18 nền nhà không có thật, bị cáo chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là 2.283.570.000 đồng.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn An phú C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn An Phú C là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tác hại xấu đến an ninh trật tự, xã hội ở địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn An Phú C chưa có tiền án, tiền sự và chưa từng vi phạm pháp luật, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo cũng đã nộp một phần tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; các bị hại Thái Minh Q, Võ Văn T3, Nguyễn Hồng P1 có yêu cầu giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo bị bệnh, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy bị cáo Nguyễn An Phú C phạm tội nhiều lần nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo yêu cầu không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn An Phú C, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn An Phú C kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về lỗi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn An Phú C xin giảm nhẹ hình phạt.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn An Phú C:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn An Phú C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn An Phú C 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án có trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 11/6/2024 đến ngày 13/6/2024.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn An Phú C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về lỗi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

